TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:122/2022/DS-PT
Ngày: 21 - 6 - 2022
"V/v tranh chấp
quyền sử dụng đất (ranh đất)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Ông **Phạm Trường Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Nhơn** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Trần Ngọc Bích** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 108/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1948

Người đại diện T1o ủy quyền của bà T1, Theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2020 là chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp PĐ, xã SP, huyện TB, Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn NH, sinh năm 1968 (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng Địa chỉ: ấp PĐ, xã SP, huyện TB, Vĩnh Long.

2.3. Bà Vi Ngọc H1, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Hộ khẩu: ấp Phú Tường, xã Phú Đức, huyện Châu Thành, Đồng Tháp.

Địa chỉ: số 80, Trần Phú, phường 4, thành phố Vĩnh Long, Vĩnh Long.

Nơi cư trú: số 2AB, Hùng Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1973

Địa chỉ: số 434/34/25, Bình Qưới, phường 28, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Chị Nguyễn Thị Lệ Đ2, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Tân Bình, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

3.3. Anh Nguyễn Thành PH (Tèo), sinh năm 1978 (có mặt).

3.4. Anh Nguyễn Thành T3, sinh năm 1979.

3.5. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp PĐ, xã SP, huyện TB, Vĩnh Long.

3.6. Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ3, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 143/70, Gò Dầu, phường Tân Phú, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

3..7. Chị Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp 9, xã Mỹ Lộc, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện T1o ủy quyền của chị T2, Đ2, Đ3, H2, anh T3 T1o văn bản ủy quyền ngày 23/11/2020 là chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1984 (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Lê Văn NH, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08/12/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/4/2021 của nguyên đơn là bà Hoàng Thị T1 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện T1o ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Phần đất thuộc thửa 266, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.663,2m^2, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, do hộ bà Hoàng Thị T1 và ông Nguyễn Văn Kha (chết năm 2011) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 02/10/2013. Thửa đất 266 giáp với thửa số 238, diện tích 924,8m^2 do ông Lê Văn NH và bà Nguyễn Thị X đang quản lý, sử dụng (T1o xác nhận của UBND xã SP, là của ông NH nhưng chua được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); thửa đất 266 giáp với thửa 368, diện tích 972,7m^2 do bà Vi Ngọc H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng hiện tại ông NH đang sử dụng phần đất này để trồng cây.

Trước đây phần đất giáp ranh là con mương, khi đo đạc Vlap thì có cắm trụ ranh bằng đá từ khi ông Kha còn sống, sau đó ông NH đã nhổ. Ranh giữa hai bên là con mương lạng, hơn nửa mương là thuộc hộ bà T1, phần còn lại là của ông NH. Đến cuối tháng 12/2019, ông NH kêu xe cuốc móc mương để lên liếp

và lấn qua phần đất của nguyên đơn, lúc móc đất bên nguyên đơn và trồng dừa trên đất nhưng bên nguyên đơn không biết, đến chiều tối anh PH là con bà T1 có nói ông NH thì ông NH nói mương của ông nên sử dụng. Sau đó, ông NH còn làm thêm phần mái che trên đất tranh chấp.

Bà T1 có nghe phần đất ông NH sử dụng phía sau đất bị kê biên thi hành án giao cho bà Nguyễn Thị Kiêm Ba, sau bán cho bà Vi Ngọc H1 thì không biết, vì thấy ông NH quản lý, sử dụng luôn phần đất này. Nay yêu cầu ông Lê Văn NH, bà Nguyễn Thị X, bà Vi Ngọc H1 trả lại phần đất có tổng diện tích 89,7m^2, thuộc thửa 266 tờ bản đồ số 17, diện tích 3.663,2m^2, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, do hộ bà Hoàng Thị T1 và ông Nguyễn Văn Kha đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu ông NH di dời 03 cây dừa trồng trên phần đất này.

Bị đơn ông Lê Văn NH trình bày:

Ông sử dụng phần đất thửa 238, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.918,5m^2, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất, ranh giới giữa hai bên là con mương của ông đào khoảng năm 1987. Đến cuối tháng 12/2019, do cỏ mọc, mương bị lấp, cạn nước nên ông kêu xe cuốc móc mương sâu xuống để sử dụng, một phần ông trồng dừa, trước đó có trụ ranh bằng cây khi thi hành án, ông không đồng ý trụ ranh mới cắm năm 2013 T1o chương trình đo Vlap, khi đo Vlap ông không có nhà, ông có nghe vợ ông nói nhưng không biết đo cho gia đình ông. Khi ông móc mương thì bên bà T1 có nói lấp mương của bà T1, ông nói mương của ông thì ông lấp.

Phần đất tranh chấp giữa thửa 266 và 238 có mái che lợp tôn, 01 cây tắc (1-3 năm), hiện trạng ông đã dỡ mái che lợp tôn, còn cây tắc đã chết; phần đất tranh chấp giữa thửa 266 và 368, phần đất này là của ông bị kê biên thi hành án cho bà Nguyễn Thị Kiêm Ba, sau chuyển nhượng cho bà Vi Ngọc H1, hiện tại ông lấp mương và sử dụng luôn phần đất này. Trên đất không có vật kiến trúc, có 03 cây dừa (1-3 năm) do ông trồng. Nay ông không đồng ý trả cho bà T1 phần diện tích 28,2m^2, còn diện tích 62,5m^2, phía nguyên đơn yêu cầu bà H1 trả thì ông không có ý kiến, trên đất còn 03 cây dừa do ông trồng, không đồng ý di dời.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà là vợ ông NH. Tòa án nhân dân huyện TB buộc ông NH trả nợ bà Nguyễn Thị Kiêm Ba số tiền 20.000.000 đồng, do ông NH không trả tiền nên Cơ quan thi hành án kê biên tài sản gia đình là phần đất cho bà Nguyễn Thị Kiêm Ba đứng tên, bà Ba là người cắm trụ ranh đất, bà có chứng kiến. Sau đó bà Ba bán lại cho bà Vi Ngọc H1. Khoảng đầu năm 2021, bà H1 cho người đến tìm ông NH nói việc bà Kiêm Ba sang phần đất này cho bà H1 thì gia đình bà mới biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành PH trình bày: Thống nhất với yêu cầu của bà T1, không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022

của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 92, 147, 165, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95, 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T1.

[1] Buộc ông Lê Văn NH, bà Nguyễn Thị X, bà Vi Ngọc H1 giao trả cho hộ bà Hoàng Thị T1 phần đất có tổng diện tích 89,7m^2 thuộc thửa 266, tờ bản đồ 17, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long *(vị trí và kích thước hình thể qua các mốc 17, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 16, 17)*, trong đó phần diện tích 28,2m^2 *(vị trí và kích thước hình thể qua các mốc 23, 24, 25, 26, 23)* và phần diện tích 61,5m^2 *(vị trí và kích thước hình thể qua các mốc 17, 20, 21, 22, 23, 26, 27, 28, 29, 16, 17)*, được thể hiện trên sơ đồ đo đạc ngày 27/5/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, để hộ bà T1 quản lý, sử dụng (có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm T1o).

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất của hộ bà Hoàng Thị T1 tại thửa số 266 (qua các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 16, 17, 18, 19, 1). Ranh giới đất thửa 266 với đất của ông Lê Văn NH, bà Nguyễn Thị X và bà Vi Ngọc H1 tại thửa 238 và 368 là đường thẳng nối từ mốc 16-25 T1o sơ đồ đo đạc ngày 27/5/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện TB, đất tọa lạc tại ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Ranh giới đất được tính T1o chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian (có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm T1o).

Nguyên đơn có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất T1o quy định của pháp luật.

[2] Buộc ông Lê Minh NH, bà Nguyễn Thị X phải di dời 03 cây dừa (từ 1-3 năm tuổi) và tài sản khác nếu có phát sinh sau khi Tòa án tiến hành đo đạc, định giá để trả lại phần đất tranh chấp cho nguyên đơn quản lý, sử dụng. Riêng phần mái che tạm lợp tôn của ông NH, bà X trên đất tranh chấp thì ông NH đã tháo dỡ di dời, còn 01 cây tắc (Hạnh) đã chết không còn, nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đo đạc, định giá, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự T1o luật định.

Ngày 18/01/2022, ông Lê Văn NH kháng cáo với nội dung bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T1, công nhận diện tích 89m^2 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông thuộc chiết thửa 238 và 368, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 20/01/2022, ông NH làm đơn kháng cáo bổ sung với nội dung bác yêu cầu khởi kiện của bà T1, công nhận phần đất ranh 28,2m^2 chiết

thửa 238 là của ông, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long và 03 cây dừa trên thửa 368 trên đất bà H1 thì ông sử dụng, không di dời.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người đại diện T1o ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Yêu cầu ông Lê Văn NH, bà Nguyễn Thị X, bà Vi Ngọc H1 giao trả cho hộ bà Hoàng Thị T1 phần đất có tổng diện tích 89,7m^2 thuộc thửa 266, tờ bản đồ 17, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long; yêu cầu ông NH, bà T1 di dời 03 cây dừa trên phần đất này, bà T1 không đồng ý bồi thường tiền cây trồng.

Bị đơn ông Lê Văn NH trình bày: Yêu cầu công nhận phần đất ranh 28,2m^2 chiết thửa 238 là của ông, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Nguồn gốc 89,7m^2 này là cái mương thuộc quyền sử dụng đất của ông. Thửa 368 có nguồn gốc của ông, do ông thiếu tiền bà Ba nên thì hành án sang tên thửa 368 cho bà Ba và bà Ba bán cho bà H1 nhưng ông vẫn quản lý sử dụng. Phần 61,5m^2 thửa 368 ông có trồng 03 cây dừa thì ông sử dụng, không di dời. Phần 89,7m^2 này ông có san lấp mương nhưng tại cấp sơ thẩm ông không có yêu cầu trả tiền.

Anh Nguyễn Thành PH trình bày: Anh là con bà T1, anh thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà T1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân T1o pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng T1o quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Phân tích nội dung, chứng cứ và đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn NH, sửa bản án sơ thẩm về phần cây trồng và án phí.

Ông Lê Văn NH không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 18/01/2022 và ngày 20/01/2022 của ông Lê Văn NH còn trong hạn T1o quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị X và bà Vi Ngọc H1 đã được tống đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt T1o quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Nguồn gốc thửa 266: Ngày 29/11/2004, Ủy ban nhân dân huyện TB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Văn Kha là thửa 1330 diện tích 1930m^2 đất T + vườn; thửa 1333 diện tích 2320m^2 đất NĐ, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Đến ngày 02/10/2013, Ủy ban nhân dân huyện TB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị T1 và ông Nguyễn Văn Kha thửa 266 diện tích 3663,2m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (ông Nguyễn Văn Kha đã chết ngày 24/10/2011).

Nguồn gốc thửa 368: Nguồn gốc thửa đất này là thuộc thửa 1332 của ông Lê Văn NH, do ông NH là người bị thi hành án vì thiếu tiền bà Ba, nên năm 2007 Cơ quan thi hành án dân sự huyện TB đã kê biên cưỡng chế phần đất này cho bà Ba là thửa 368 diện tích 972,7m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, ngày 26/8/2011 bà Nguyễn Thị Kiêm Ba được Ủy ban nhân dân huyện TB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 368; đến năm 2014 bà Ba chuyển nhượng cho bà Vi Ngọc H1 tại trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế từ trước đến nay vợ chồng ông NH vẫn quản lý, sử dụng phần đất này.

Nguồn gốc thửa 238: T1o sổ mục kê (Tư liệu chương trình đất) ngày 18/9/1995 ông Lê Văn NH đứng tên thửa đất 1332, diện tích 1060m^2 đất thổ quả, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long; T1o đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 13/8/2001, hộ Lê Văn NH đứng tên thửa đất 1337, diện tích 580m^2, loại đất ao, thửa 1338, diện tích 130m^2 loại đất cây lâu năm khác; T1o bản đồ địa chính chính quy, thửa đất 1332, 1337, 1338 được ghi nhận thành thửa đất số 238 diện tích 924,8m^2 đất ONT-CLN, do ông Lê Văn NH kê khai chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 15/7/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện TB thì diện tích T1o sự chỉ ranh của nguyên đơn là thửa 266, diện tích 3650,4m^2 đất ONT+CLN; trong đó có 28,2m^2 tranh chấp ranh với ông NH (gồm các mốc 23, 24, 25, 26, 23), diện tích 61,5m^2 tranh chấp ranh với ông NH (gồm các mốc 16, 17, 20, 21, 22, 23, 26, 27, 28, 29, 16). Diện tích T1o sự chỉ ranh của ông NH là thửa tách 238 (1332+1337), diện tích 941,7m^2, loại đất ONT-CLN (CTĐ: T+Ao), trong đó có 28,2m^2 tranh chấp ranh với bà T1 (gồm các mốc 23, 24, 25, 26, 23); Thửa 368 diện tích 944,2m^2 đất ONT-CLN, trong đó có 61,5m^2 tranh chấp ranh với bà T1 (gồm các mốc 16, 17, 20, 21, 22, 23, 26, 27, 28, 29, 16)

Như vậy, thửa 266 diện tích 3663,2m^2, đo đạc thực tế là 3650,4m^2 (tính cả phần tranh chấp 89,7m^2), còn thiếu 12,8m^2; thửa 368 diện tích 972,7m^2, đo đạc thực tế là 944,2m^2 (tính cả phần tranh chấp 61,5m^2), còn thiếu 28,5m^2; thửa 238 diện tích 924,8m^2, đo đạc thực tế là 913,5m^2 (tính cả phần tranh chấp 28,2m^2), còn thiếu 11,3m^2, nhưng đo là tách thửa 238 (thửa 238 còn lại chưa đo hết).

Công văn số 1938 ngày 27/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện TB có ý kiến như sau: Phần đất đang tranh chấp có diện tích 28,2m^2 giữa bà Hoàng Thị

T1 và ông Lê Văn NH, bà Nguyễn Thị X T1o hiện trạng đo đạc thực tế tại trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 16/7/2021 và sơ đồ vị trí thửa đất thuộc thửa đất số 266, do hộ bà Hoàng Thị T1 và ông Nguyễn Văn Kha đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất đang tranh chấp có diện tích 61,5m^2 giữa bà Hoàng Thị T1 và bà Vi Ngọc H1 T1o hiện trạng đo đạc thực tế tại trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 16/7/2021 và sơ đồ vị trí thửa đất thuộc thửa đất số 266, do hộ bà Hoàng Thị T1 và ông Nguyễn Văn Kha đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc Ủy ban nhân dân huyện TB xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 266, diện tích 3663,2m^2 cho hộ bà Hoàng Thị T1 và ông Nguyễn Văn Kha đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng đối tượng, trình tự, thủ tục T1o quy định của pháp luật.

Do đó, có căn cứ xác định phần đất bà Hoàng Thị T1 tranh chấp với ông Lê Văn NH diện tích 28,2m^2 và bà T1 tranh chấp với bà Vi Ngọc H1 diện tích 61,5m^2 là thuộc thửa 266 do hộ bà Hoàng Thị T1 và ông Nguyễn Văn Kha đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ đất tranh chấp diện tích 89,7m^2 hiện nay đang do vợ chồng ông Lê Văn NH và bà Nguyễn Thị X quản lý, sử dụng. Hội đồng xét xử xác định phần đất 89,7m^2 thuộc thửa 266 là đất CLN.

Trên phần đất tranh chấp 61,5m^2 có 03 cây dừa (từ 1-3 năm) do ông NH trồng là không thể di dời. T1o biên bản định giá 03 cây dừa (1-3 năm) x 168.000 đồng = 504.000 đồng. Do công nhận phần đất này cho bà T1 nên bà T1 phải trả giá trị cây trồng cho ông NH, bà X là 504.000 đồng và bà T1 được quyền sở hữu 03 cây dừa này.

Về án phí sơ thẩm: Cấp sơ thẩm không buộc bị đơn là bà Vi Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là thiếu sót nên buộc bà Vi Ngọc H1 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn NH đối với phần đất tranh chấp, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, về phần án phí và cây trồng.

Ông NH trình bày phần 89,7m^2 này ông có san lấp mương nhưng tại cấp sơ thẩm ông không có yêu cầu trả tiền. Do cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm. Ông NH có quyền khởi kiện yêu cầu này bằng một vụ kiện khác T1o quy định của pháp luật.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên ông Lê Văn NH không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Văn NH. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST, ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, về phần án phí và cây trồng.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 148, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 175, 176 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T1:

Buộc ông Lê Văn NH, bà Nguyễn Thị X, bà Vi Ngọc H1 giao trả cho hộ bà Hoàng Thị T1 phần đất có tổng diện tích 89,7m^2, đất CLN, thuộc thửa 266, tờ bản đồ 17, tọa lạc ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long *(vị trí và kích thước hình thể qua các mốc 17, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 16, 17)*, trong đó phần diện tích 28,2m^2 *(vị trí và kích thước hình thể qua các mốc 23, 24, 25, 26, 23)* và phần diện tích 61,5m^2 *(vị trí và kích thước hình thể qua các mốc 17, 20, 21, 22, 23, 26, 27, 28, 29, 16, 17)*, được thể hiện trên sơ đồ đo đạc ngày 27/5/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, để hộ bà T1 quản lý, sử dụng (có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm T1o).

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất của hộ bà Hoàng Thị T1 tại thửa số 266 (qua các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 16, 17, 18, 19, 1). Ranh giới đất thửa 266 với đất của ông Lê Văn NH, bà Nguyễn Thị X và bà Vi Ngọc H1 tại thửa 238 và 368 là đường thẳng nối từ mốc 16-25 T1o sơ đồ đo đạc ngày 27/5/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện TB, đất tọa lạc tại ấp PĐ, xã SP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Ranh giới đất được tính T1o chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian (có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm T1o).

Nguyên đơn có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất T1o quy định của pháp luật.

2. Buộc bà Hoàng Thị T1 phải trả cho ông Lê Văn NH, bà Nguyễn Thị X tiền giá trị 03 cây dừa (từ 1-3 năm tuổi) là 504.000 đồng (năm trăm lẻ bốn ngàn đồng) và bà T1 được sở hữu 03 cây dừa này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án T1o mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Ông Lê Văn NH, bà Nguyễn Thị X có quyền khởi kiện yêu cầu tiền công san lấp mương trên phần đất tranh chấp bằng một vụ kiện khác, T1o quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn NH, bà Nguyễn Thị X phải liên đới nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà Vi Ngọc H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn NH không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả cho ông Lê Văn NH 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, T1o biên lai thu tiền số 0010500 ngày 20/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành T1o quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án T1o quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện T1o quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND huyện TB: 01;
- THADS huyện TB: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Đăng

Phạm Trường Thọ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng